

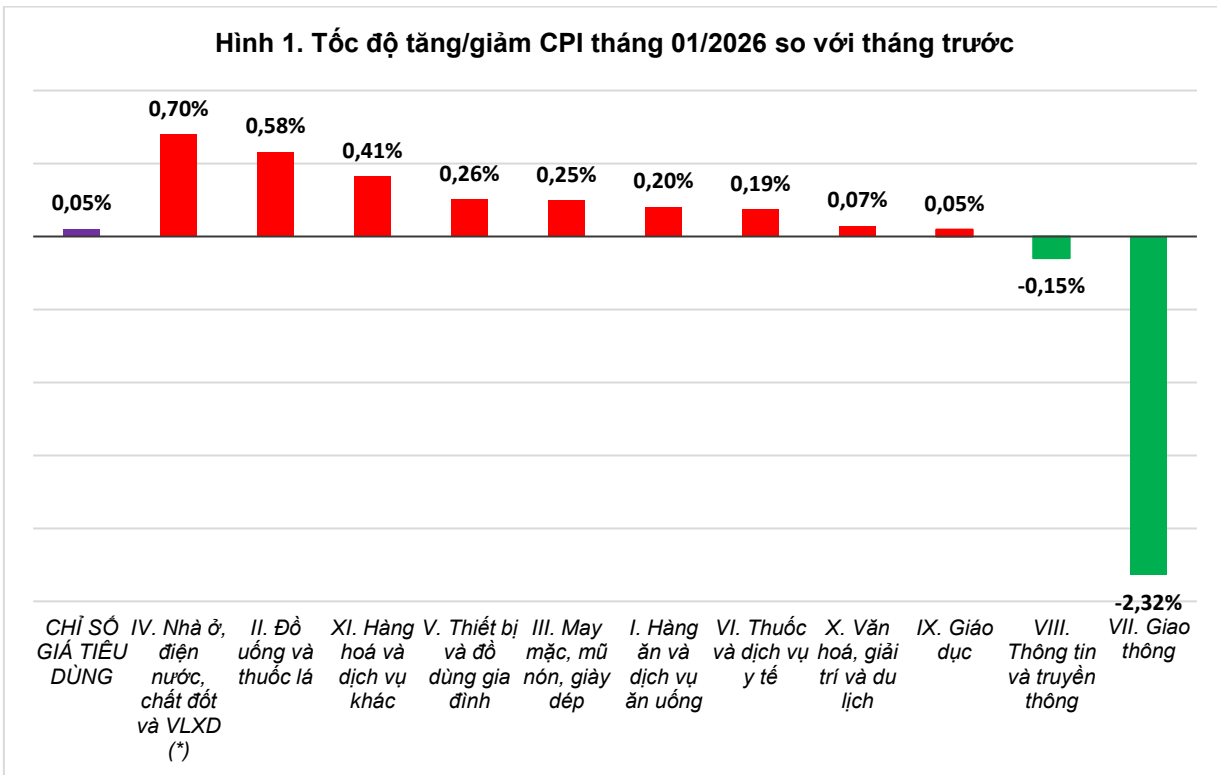
Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2026

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG GIÁ CẢ THÁNG MỘT NĂM 2026

Giá thịt lợn tăng do nguồn cung hạn chế trong khi nhu cầu tiêu dùng dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ tăng cao; giá ăn uống ngoài gia đình, giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 01/2026 tăng nhẹ 0,05% so với tháng trước. So với cùng kỳ năm 2025, CPI tháng Một tăng 2,53%; lạm phát cơ bản tháng 01/2026 tăng 3,19%.

I. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG THÁNG 01/2026

So với tháng trước, CPI tháng 01/2026 tăng 0,05% (khu vực thành thị tăng 0,02%; khu vực nông thôn tăng 0,09%). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 09 nhóm hàng tăng giá, 02 nhóm hàng giảm giá.



Diễn biến giá tiêu dùng tháng 01/2026 so với tháng trước của các nhóm hàng chính như sau:

1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0,2%)

Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tháng 01/2026 tăng 0,2% so với tháng trước, tác động làm CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm, trong đó lương

thực tăng 0,29%, tác động tăng 0,01 điểm phần trăm; nhóm thực phẩm tăng 0,09%, tác động tăng 0,02 điểm phần trăm; ăn uống ngoài gia đình tăng 0,44%, tác động tăng 0,04 điểm phần trăm.

1.1. Lương thực (+0,29%)

Chỉ số giá nhóm lương thực tháng 01/2026 tăng 0,29% so với tháng trước do nhu cầu tiêu dùng gạo và các mặt hàng lương thực chế biến tăng trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026. Trong đó, chỉ số giá nhóm gạo tăng 0,3% (Giá gạo tẻ thường tăng 0,24%, gạo tẻ ngon tăng 0,36%, gạo nếp tăng 1,28%, gạo lứt tẻ tăng 0,34%). Giá gạo tăng so với tháng trước do nguồn cung trong nước giảm nhẹ vào cuối vụ, trong khi nhu cầu tiêu dùng và dự trữ phục vụ Tết Nguyên đán tăng.

Trong tháng, giá gạo tẻ thường dao động từ 14.800-17.500 đồng/kg; giá gạo Bắc Hương từ 20.700-22.400 đồng/kg; giá gạo tẻ ngon Nàng Thơm chợ Đào từ 22.700-23.900 đồng/kg; giá gạo nếp từ 27.500-39.600 đồng/kg.

Bên cạnh đó, một số mặt hàng lương thực tháng 01/2026 tăng so với tháng trước như: Giá bột ngô và ngũ cốc ăn liền cùng tăng 0,55%; bún, bánh phở, bánh đa tăng 0,47%; khoai tăng 0,39%; miến tăng 0,38%; mì sợi, mì, phở, cháo ăn liền tăng 0,29%; bột mì tăng 0,25%; ngũ cốc khác tăng 0,21%.

Ở chiều ngược lại, giá ngô giảm 0,91%; giá sắn giảm 0,3%.

1.2. Thực phẩm (+0,09%)

Chỉ số giá nhóm thực phẩm tháng 01/2026 tăng 0,09% so với tháng trước, chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng tăng vào dịp cuối năm và chuẩn bị Tết Nguyên đán sắp tới. Nhóm thực phẩm chủ yếu tăng giá ở một số mặt hàng sau:

- Chỉ số giá thịt lợn tăng 3,76% do nguồn cung thịt lợn chưa phục hồi hoàn toàn sau giai đoạn tái đàn chậm, trong khi nhu cầu tiêu dùng tăng vào thời điểm cận Tết Nguyên đán. Bên cạnh đó, chi phí thức ăn chăn nuôi ở mức cao, góp phần đẩy giá lợn hơi tăng. Tính đến ngày 29/01/2026, giá thịt lợn hơi trên cả nước dao động trong khoảng 75.000-81.000 đồng/kg. Theo đó, mỡ động vật tăng 4,17%; nội tạng động vật tăng 1,68%; thịt quay, giò chả tăng 1,12%; thịt chế biến khác tăng 0,5%; thịt hộp tăng 0,13%.

- Giá thịt gia cầm tăng 0,4% do nhu cầu tiêu dùng cuối năm tăng. Bên cạnh đó, chi phí chăn nuôi, giết mổ và vận chuyển duy trì ở mức cao đã tác động làm tăng giá nhóm hàng này. Trong đó, giá thịt gà tăng 0,47%; thịt gia cầm đông lạnh tăng 0,18%; thịt gia cầm khác tăng 0,19%.

- Giá thủy sản tươi sống tăng 0,49%, trong đó tôm tươi hoặc ướp lạnh tăng 1,25%; thủy sản tươi sống khác tăng 0,46%; cá tươi hoặc ướp lạnh tăng 0,09% do nhu cầu tăng nhưng nguồn cung hạn chế. Giá thủy sản chế biến tăng 0,58%, trong đó cá khô và chế biến tăng 0,33%; thủy sản chế biến khác tăng 0,85%.

- Chỉ số giá quả tươi, chế biến tăng 0,62% do nhu cầu tiêu dùng tăng mạnh trong dịp cận Tết Nguyên đán. Bên cạnh đó, nguồn cung một số loại quả giảm do thời tiết cuối vụ và chi phí thu hoạch, vận chuyển tăng góp phần đẩy giá tăng. Trong đó, giá chuối tăng 2,12%; quả chế biến tăng 1,9%; quả tươi khác tăng 1,19%.

- Chỉ số giá bánh, mứt, kẹo tăng 0,87% do nhu cầu tiêu dùng tăng cao trong dịp Tết Nguyên đán, đặc biệt đối với các mặt hàng phục vụ biếu, tặng và tiếp khách. Giá kẹo các loại tăng 1,45%, socola tăng 1,23%, mứt các loại tăng 0,79%.

- Một số nhóm thực phẩm khác có giá tăng như đồ gia vị tăng 0,66%; các loại đậu và hạt tăng 0,41%; nước mắm, nước chấm tăng 0,31%; sữa, bơ, phô mai tăng 0,21%; chè, cà phê, ca cao tăng 0,19%; đường, mật tăng 0,05%.

Ở chiều ngược lại, chỉ số giá rau tươi, khô và chế biến giảm 10,28%, trong đó giá cà chua giảm 14,3%; bắp cải giảm 13,94%; su hào giảm 18,1%; rau gia vị tươi, khô các loại giảm 7,07%. Nguyên nhân chủ yếu do điều kiện thời tiết thuận lợi giúp sản xuất rau vụ đông diễn ra ổn định, nguồn cung rau củ dồi dào và phong phú. Bên cạnh đó, diện tích gieo trồng mở rộng, sản lượng thu hoạch tăng đã tạo áp lực giảm giá đối với nhiều loại rau xanh trong tháng 01/2026. Giá trứng các loại giảm 0,84% so với tháng trước. Trong đó, giá trứng tươi các loại giảm 0,85%; giá trứng đã chế biến giảm 0,61% do nguồn cung ổn định và nhu cầu tiêu dùng không tăng mạnh.

1.3. Ăn uống ngoài gia đình (+0,44%)

Chỉ số giá nhóm ăn uống ngoài gia đình tháng 01/2026 tăng 0,44%, chủ yếu do giá nguyên liệu chế biến ở mức cao và chi phí nhân công tăng, trong đó giá ăn ngoài gia đình tăng 0,47%; uống ngoài gia đình tăng 0,26%; đồ ăn nhanh mang đi tăng 0,41%.

2. Đồ uống và thuốc lá (+0,58%)

Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tháng 01/2026 tăng 0,58% so với tháng trước do nhu cầu tiêu dùng và sử dụng làm quà biếu tặng tăng vào dịp Tết Nguyên đán khiến giá rượu bia tăng 0,45%; thuốc hút tăng 0,6%; đồ uống không cồn tăng 0,89%.

3. May mặc, mũ nón, giày dép (+0,25%)

Chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tháng 01/2026 tăng 0,25% do chi phí nhân công, chi phí nguyên vật liệu cùng với nhu cầu mua sắm quần áo và giày dép tăng trong dịp Tết Nguyên đán. Trong đó, giá vải các loại tăng 0,58% so với tháng trước; mũ nón tăng 0,51%; giày dép tăng 0,38%; quần áo may sẵn tăng 0,18%; may mặc khác tăng 0,23%; dịch vụ may mặc tăng 0,71%; dịch vụ giày dép tăng 0,01%.

4. Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+0,7%)

Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tháng 01/2026 tăng 0,7%, tác động làm tăng CPI chung 0,16 điểm phần trăm, chủ yếu tăng giá ở một số mặt hàng sau:

- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,6% do giá một số vật liệu xây dựng như gạch, cát, đá tăng cùng với nhu cầu sửa chữa, cải tạo nhà cửa của người dân tăng vào thời điểm cuối năm và trước Tết Nguyên đán.

- Giá dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 0,57% do tiền công thợ sơn tường, thợ lát nền, xây tường và lao động phổ thông tăng cùng với nhu cầu sửa chữa, cải tạo nhà cửa tăng vào cuối năm trước Tết Nguyên đán. Giá dịch vụ khác liên quan đến nhà ở tăng 0,59% do nhu cầu tăng vào dịp cuối năm.

- Giá gas tăng 4,29% do từ ngày 01/01/2026, giá gas trong nước điều chỉnh tăng 19.000 đồng/bình 12 kg sau khi giá gas thế giới tăng 32,5 USD/tấn, lên mức 522,5 USD/tấn.

- Giá điện sinh hoạt tăng 0,33%; nước sinh hoạt tăng 0,27%¹; giá dịch vụ về điện sinh hoạt tăng 0,33% chủ yếu do chi phí nhân công tăng.

- Giá thuê nhà tăng 0,29% do nhu cầu thuê nhà tăng tại một số địa phương.

Ở chiều ngược lại, giá dầu hỏa giảm 3,85% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá trong tháng.

5. Thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,26%)

Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tháng 01/2026 tăng 0,26% do nhu cầu mua sắm tăng trong mùa cưới và dịp Tết Nguyên đán. Trong đó, giá nồi điện tăng 0,78%; bàn là điện tăng 0,74%; máy hút bụi tăng 0,59%; bình nước nóng nhà tắm tăng 0,57% do nhu cầu sử dụng tăng vào mùa lạnh; giường, tủ, bàn ghế tăng 0,46%; hàng thủy tinh, sành, sứ tăng 0,3%; thiết bị gia đình lớn có động cơ tăng 0,28%; đèn điện thấp sáng tăng 0,27%; đồ dùng bằng kim loại tăng 0,25%. Giá dịch vụ trong gia đình tăng 1,43% do nhu cầu thuê người phục vụ dọn dẹp nhà cửa và chăm sóc gia đình tăng vào dịp trước Tết; giá sửa chữa thiết bị gia đình tăng 0,22% do chi phí nhân công và thay thế linh kiện tăng.

6. Thuốc và dịch vụ y tế (+0,19%)

Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tháng 01/2026 tăng 0,19% so với tháng trước làm CPI chung tăng 0,01 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá nhóm dịch vụ y tế tăng 0,23%, chủ yếu do Cần Thơ triển khai áp dụng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo quyết định số 277/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố. Bên cạnh đó, các bệnh cảm cúm, đường hô hấp gia tăng, nhu cầu tiêu dùng các loại thuốc về giảm đau, hạ sốt, đường hô hấp, vitamin

¹ Chỉ số giá điện, nước sinh hoạt tháng 01/2026 phản ánh biến động trễ một tháng so với các mặt hàng khác do được tính dựa trên doanh thu và sản lượng tiêu dùng của tháng 12/2025.

và khoáng chất của người dân tăng. Cụ thể, giá thuốc tác dụng trên đường hô hấp tăng 0,26%; nhóm thuốc vitamin và khoáng chất và thuốc chống dị ứng và các trường hợp quá mẫn cùng tăng 0,21%; thuốc tim mạch tăng 0,16%.

7. Giao thông (-2,32%)

Chỉ số giá nhóm giao thông tháng 01/2026 giảm 2,32% làm CPI chung giảm 0,23 điểm phần trăm, trong đó:

- Chỉ số giá xăng giảm 5,34% so với tháng trước, chỉ số giá dầu diezen giảm 3,23% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng, dầu trong nước.

- Chỉ số giá xe ô tô mới giảm 0,14%; chỉ số giá xe ô tô đã qua sử dụng giảm 0,03% chủ yếu do các hãng xe và đại lý tiếp tục triển khai các chương trình khuyến mại, giảm giá bán, hỗ trợ lệ phí trước bạ và ưu đãi tồn kho nhằm kích cầu tiêu dùng đầu năm mới.

Ở chiều ngược lại, một số nhóm hàng có giá tăng:

- Nhu cầu đi lại của người dân tăng vào dịp cuối năm làm cho giá vận tải hành khách bằng đường hàng không tăng 15,18%; vận tải hành khách bằng đường sắt tăng 4,94%; vận tải hành khách bằng xe buýt tăng 0,36%.

- Giá phụ tùng ô tô tăng 0,26%; lốp, săm xe máy tăng 0,2%; phụ tùng khác của xe máy tăng 0,17%.

- Dịch vụ rửa xe, bơm xe tăng 0,6% do chi phí nhân công và nhu cầu tăng trong dịp cuối năm; dịch vụ bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 0,44%.

8. Thông tin và truyền thông (-0,15%)

Chỉ số giá nhóm thông tin và truyền thông tháng 01/2026 giảm 0,15% so với tháng trước. Trong đó, giá phụ kiện máy điện thoại và máy tính bảng giảm 0,72%; máy điện thoại thông minh và máy tính bảng giảm 0,46%; ti vi màu giảm 0,09% do các doanh nghiệp tiếp tục điều chỉnh giảm giá bán, triển khai các chương trình khuyến mại, xả hàng cuối năm; dịch vụ viễn thông giảm 0,29%.

Ở chiều ngược lại, giá dịch vụ sửa chữa điện thoại tăng 0,46% do chi phí nhân công tăng; máy vi tính và phụ kiện tăng 0,19%; máy in, máy chiếu, máy quét tăng 0,18% do chi phí linh kiện và nhu cầu mua sắm tăng.

9. Giáo dục (+0,05%)

Chỉ số giá nhóm giáo dục tháng 01/2026 tăng nhẹ 0,05%, trong đó dịch vụ giáo dục tăng 0,04% chủ yếu do một số trường tư thục, nghề, giáo dục đại học và sau đại học tại một số địa phương điều chỉnh học phí. Bên cạnh đó, giá sản phẩm từ giấy tăng 0,16%; bút viết các loại tăng 0,15%; riêng nhóm văn phòng phẩm, đồ dùng học tập khác giảm 0,04%.

10. Văn hóa, giải trí và du lịch (+0,07%)

Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tháng 01/2026 tăng 0,07% chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ và chi phí dịch vụ

liên quan tăng, tập trung chủ yếu ở những mặt hàng sau: Giá nhóm vật cảnh tăng 0,66%; đồ chơi tăng 0,44%; du lịch trọn gói tăng 0,05% do nhu cầu đi du lịch của người dân và chi phí dịch vụ tăng; khách sạn, nhà khách tăng 0,24%. Ở chiều ngược lại, giá sách, báo, tạp chí các loại giảm 0,22%; vật phẩm văn hóa giảm 0,21%; thiết bị dụng cụ thể thao giảm 0,08%; thiết bị văn hóa giảm 0,07%.

11. Hàng hóa và dịch vụ khác (+0,41%)

Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tháng 01/2026 tăng 0,41%, chủ yếu tăng giá ở một số mặt hàng: Nhóm đồ trang sức tăng 2,55%; dịch vụ cắt tóc, gội đầu tăng 0,9%; dịch vụ chăm sóc cá nhân và vật dụng, dịch vụ về cưới hỏi cùng tăng 0,56%; vật dụng thờ cúng tăng 0,43%; bảo hiểm y tế tăng 0,09%.

12. Chỉ số giá vàng (+5,02%)

Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Tính đến ngày 29/01/2026, giá vàng thế giới bình quân ở mức 4.733,31 USD/ounce, tăng 8,65% so với tháng trước. Nguyên nhân chủ yếu do dòng vốn đầu tư vào vàng gia tăng, cùng với hoạt động mua ròng liên tục của các Ngân hàng Trung ương. Bên cạnh đó, đồng đô la Mỹ suy yếu trong bối cảnh kỳ vọng nới lỏng chính sách tiền tệ cùng với nhu cầu nắm giữ các tài sản thực của nhà đầu tư tăng lên trước những căng thẳng địa chính trị và bất ổn toàn cầu, qua đó tiếp tục củng cố vai trò trú ẩn an toàn của vàng và đẩy giá vàng đi lên. Trong nước, giá vàng bám sát xu hướng thế giới, đồng thời nhu cầu tích trữ và đầu tư tăng lên trong bối cảnh các kênh đầu tư thay thế chưa ổn định, giúp mặt bằng giá vàng duy trì ở mức cao. Chỉ số giá vàng tháng 01/2026 tăng 5,02% so với tháng trước; tăng 77,1% so với cùng kỳ năm trước.

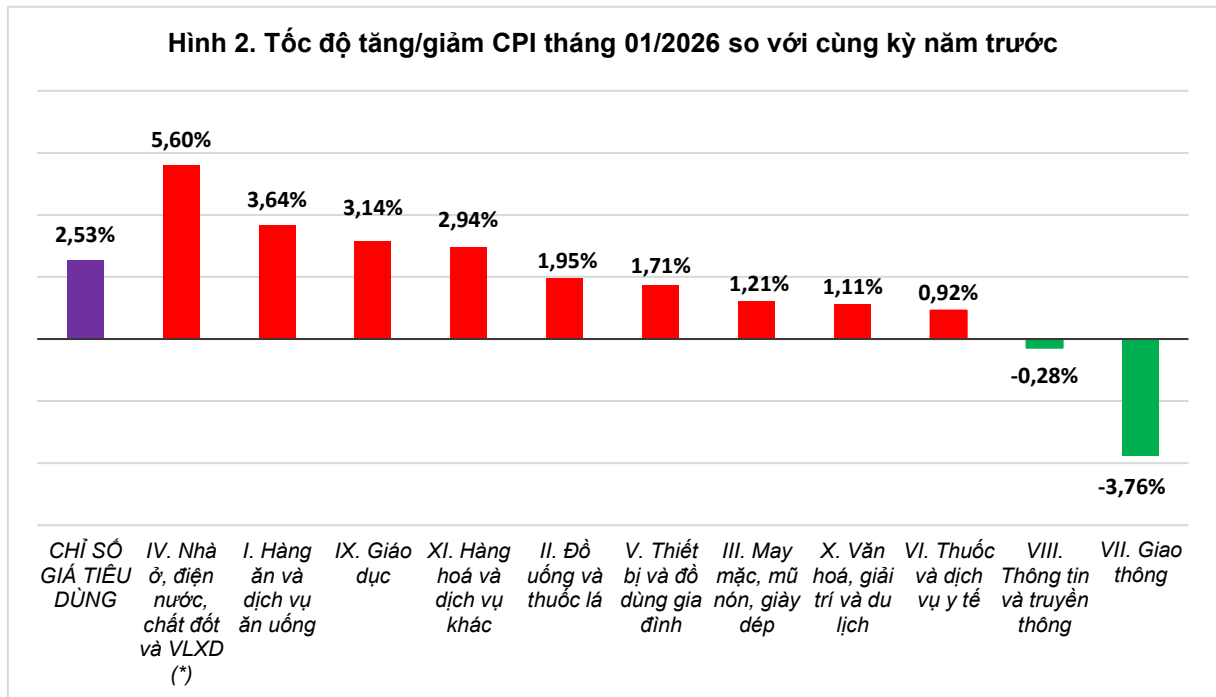
13. Chỉ số giá đô la Mỹ (-0,29%)

Tính đến ngày 29/01/2026, chỉ số giá đô la Mỹ trên thị trường quốc tế đạt mức 98,1 điểm, giảm 0,21% so với tháng trước chủ yếu do kỳ vọng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) sẽ điều chỉnh theo hướng nới lỏng chính sách tiền tệ trong năm 2026, làm giảm sức hấp dẫn của các tài sản định giá bằng USD. Bên cạnh đó, lợi suất trái phiếu Mỹ có xu hướng hạ nhiệt, dòng vốn đầu tư dịch chuyển sang các thị trường và đồng tiền khác, trong khi một số đồng tiền chủ chốt như Euro và Yên Nhật phục hồi tương đối. Trong nước, chỉ số giá đô la Mỹ tháng 01/2026 giảm 0,29% so với tháng trước; tăng 3,18% so với cùng kỳ năm trước.

Bảng 1. Tốc độ tăng/giảm CPI tháng Một từ năm 2022 đến năm 2026

	Đơn vị tính: %				
	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
CPI tháng 01 so với tháng trước	0,19	0,52	0,31	0,98	0,05
CPI tháng 01 so với cùng kỳ năm trước	1,94	4,89	3,37	3,63	2,53

So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 01/2026 tăng 2,53%. Trong 11 nhóm hàng tiêu dùng chính có 09 nhóm tăng giá và 02 nhóm giảm giá.



Các nhóm hàng có chỉ số giá tháng 01/2026 tăng so với cùng kỳ năm trước:

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 5,6%, tác động làm CPI chung tăng 1,27 điểm phần trăm. Nguyên nhân chủ yếu do giá nhà ở thuê tăng 5,09%; vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 11,34% và dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 5,15%.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,64% tác động làm CPI chung tăng 1,31 điểm phần trăm, trong đó giá nhóm thực phẩm tăng 4,26%; ăn uống ngoài gia đình tăng 4,31%.

- Nhóm giáo dục tăng 3,14% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung tăng 0,19 điểm phần trăm do một số trường dân lập, tư thực, nghề điều chỉnh giá học phí năm học 2025-2026 mặc dù các trường công lập được miễn, giảm và hỗ trợ học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ban hành 03/9/2025 của Chính phủ.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 1,11% làm CPI chung tăng 0,03 điểm phần trăm, chủ yếu do nhu cầu du lịch tăng cao cùng với chi phí vận chuyển, lưu trú và các dịch vụ giải trí đồng loạt tăng trong mùa cao điểm.

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,92%, làm CPI chung tăng 0,04 điểm phần trăm chủ yếu do giá tăng vì chi phí nhập khẩu nguyên liệu đầu vào, chi phí sản xuất và phân phối tăng trong năm 2025.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 1,95%, tác động làm CPI chung tăng 0,03 điểm phần trăm, chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng tăng trong dịp Tết Nguyên đán,

cùng với việc điều chỉnh giá bán của một số doanh nghiệp sản xuất, phân phối để bù đắp chi phí đầu vào tăng.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,71%, tác động làm CPI chung tăng 0,09 điểm phần trăm, do nhu cầu mua sắm, thay thế đồ dùng gia đình tăng trong dịp Tết Nguyên đán, cùng với giá một số mặt hàng đồ điện gia dụng, đồ dùng sinh hoạt tăng do chi phí đầu vào và chi phí vận chuyển tăng.

- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,21%, tác động làm CPI chung tăng 0,04 điểm phần trăm; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 2,94%, tác động làm CPI chung tăng 0,11 điểm phần trăm.

Ở chiều ngược lại, chỉ số giá nhóm giao thông giảm 3,76% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung giảm 0,38 điểm phần trăm; nhóm thông tin và truyền thông giảm 0,28% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung giảm 0,01 điểm phần trăm, chủ yếu do giá máy điện thoại thông minh, máy tính bảng và phụ kiện giảm khi cạnh tranh giữa các hãng sản xuất gia tăng, công nghệ sản xuất được cải tiến làm giảm chi phí, cùng với việc triển khai các chương trình giảm giá, khuyến mại nhằm kích cầu tiêu dùng.

II. LẠM PHÁT CƠ BẢN

Lạm phát cơ bản² tháng 01/2026 tăng 0,35% so với tháng trước, tăng 3,19% so với cùng kỳ năm trước. Mức tăng này cao hơn CPI bình quân chung tăng 2,53%, nguyên nhân chủ yếu do giá lương thực, năng lượng là yếu tố góp phần làm giảm CPI chung nhưng đã được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Bảng 2. Lạm phát cơ bản tháng Một từ năm 2022 đến năm 2026

	Đơn vị tính: %				
	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
Lạm phát cơ bản tháng 01 so với tháng trước	0,26	0,46	0,21	0,42	0,35
Lạm phát cơ bản tháng 01 so với cùng kỳ năm trước	0,66	5,21	2,72	3,07	3,19

CỤC THỐNG KÊ

² CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục.